

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Điều hành	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-34
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10-11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12-34

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 03 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở của Công ty tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Diệp	Phó Chủ tịch
Ông La Thế Nhân	Ủy viên
Ông Trần Quý Tài	Ủy viên
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 01/07/2014
Ông Hoàng Văn Điều	Tổng Giám đốc điều hành	Miễn nhiệm ngày 01/07/2014
Ông Hoàng Minh Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2014
Bà Lại Thị Hồng Diệp	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Huệ	Giám đốc Chất lượng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phượng	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên
Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 33 ngày 03 tháng 12 năm 2014, người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Hoàng Văn Điều - chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Điều hành



Hoàng Minh Anh Tú

Tổng Giám đốc

TP HCM, ngày 12 tháng 03 năm 2015

Số: /2015/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình được lập ngày 12 tháng 03 năm 2015, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên


Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Lê Đức Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1628-2013-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		107,572,252,122	99,715,045,865
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	31,880,002,460	21,442,381,162
111	1. Tiền		14,380,002,460	14,942,381,162
112	2. Các khoản tương đương tiền		17,500,000,000	6,500,000,000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	300,000,000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	300,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		22,651,987,645	21,123,780,640
131	1. Phải thu của khách hàng		19,581,404,863	20,289,362,749
132	2. Trả trước cho người bán		2,417,547,502	1,098,337,749
135	5. Các khoản phải thu khác	4	653,035,280	130,490,521
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(394,410,379)
140	IV. Hàng tồn kho	5	51,953,504,404	54,681,574,456
141	1. Hàng tồn kho		51,953,504,404	54,681,574,456
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1,086,757,613	2,167,309,607
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		843,903,420	1,406,965,037
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		196,025,829	699,671,367
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		46,828,364	59,335,846
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	1,337,357
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		114,015,821,010	117,960,388,123
220	II. Tài sản cố định		55,045,456,770	59,309,160,914
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	49,614,891,740	53,778,586,818
222	- Nguyên giá		138,476,513,834	135,358,097,569
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(88,861,622,094)	(81,579,510,751)
227	3. Tài sản cố định vô hình	7	5,266,847,394	5,292,921,005
228	- Nguyên giá		7,138,980,488	6,976,430,488
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1,872,133,094)	(1,683,509,483)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		163,717,636	237,653,091
240	III. Bất động sản đầu tư	8	36,926,926,935	38,849,600,463
241	- Nguyên giá		52,456,972,189	52,456,972,189
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15,530,045,254)	(13,607,371,726)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	10,916,685,904	10,887,108,464
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		10,794,356,704	10,764,779,264
258	3. Đầu tư dài hạn khác		122,329,200	122,329,200
260	V. Tài sản dài hạn khác		11,126,751,401	8,914,518,282
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	11,070,751,401	8,868,518,282
268	3. Tài sản dài hạn khác		56,000,000	46,000,000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		221,588,073,132	217,675,433,988

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		23,960,958,560	23,262,150,758
310	I. Nợ ngắn hạn		22,160,958,560	23,262,150,758
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	7,418,181,955	7,436,277,409
312	2. Phải trả người bán		7,697,339,135	7,996,962,985
313	3. Người mua trả tiền trước		1,240,030,783	2,342,411,801
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	521,225,650	239,510,746
315	5. Phải trả người lao động		1,973,036,827	1,828,270,199
316	6. Chi phí phải trả		-	245,575
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	3,500,623,970	3,578,774,529
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(189,479,760)	(160,302,486)
330	II. Nợ dài hạn		1,800,000,000	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	14	1,800,000,000	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		197,627,114,572	195,596,818,946
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	197,627,114,572	195,596,818,946
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		58,480,640,000	53,562,120,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		140,906,644,443	145,825,164,443
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2,140,945,047	2,140,945,047
414	4. Cổ phiếu quỹ		(11,666,581,607)	(11,666,581,607)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1,477,656,109	1,477,656,109
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2,890,894,333	2,890,894,333
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3,396,916,247	1,366,620,621
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		-	(1,183,535,716)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		221,588,073,132	217,675,433,988

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1,782,843,817	1,388,433,438
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ (USD)		40,073.96	81,121.79
- Đồng Euro (EUR)		294.20	305.12



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập



Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

TP HCM, ngày 12 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	133,666,178,889	122,011,839,323
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	1,044,431,169	253,445,260
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	132,621,747,720	121,758,394,063
11	4. Giá vốn hàng bán	19	124,454,548,607	114,599,927,246
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8,167,199,113	7,158,466,817
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	1,757,612,330	1,353,827,968
22	7. Chi phí tài chính	21	886,170,464	888,105,576
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		219,103,300	507,189,562
24	8. Chi phí bán hàng	22	2,592,106,097	1,650,703,533
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	5,576,026,087	5,049,279,422
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		870,508,795	924,206,254
31	11. Thu nhập khác		52,687,791	300,892,983
32	12. Chi phí khác		236,999,694	343,059,938
40	13. Lợi nhuận khác		(184,311,903)	(42,166,955)
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		959,865,363	1,353,838,620
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1,646,062,255	2,235,877,919
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	707,198,829	120,357,695
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		938,863,426	2,115,520,224
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		-	(22,761,231)
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		938,863,426	2,138,281,455
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	173	435



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập



Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

TP HCM, ngày 12 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1,646,062,255	2,235,877,919
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		10,355,446,254	11,712,045,106
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		27,559,251	(5,277,116)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2,168,756,530)	(2,379,143,997)
06	- Chi phí lãi vay		219,103,300	507,189,562
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		10,079,414,530	12,070,691,474
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(712,355,169)	2,318,109,416
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2,853,386,727	(1,062,373,257)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1,941,459,191)	(6,865,287,649)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1,146,504,673)	(2,685,161,422)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(219,103,300)	(507,189,562)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(407,652,470)	-
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		882,823,844	459,447,912
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(780,265,601)	(1,014,264,742)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8,608,284,697	2,713,972,170
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2,070,707,677)	(5,194,366,797)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		34,545,456	260,909,091
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		-	(4,550,000,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		300,000,000	5,300,000,000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2,141,769,110)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2,767,319,213	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1,188,157,137	2,103,248,269
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		77,545,019	(2,080,209,437)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		39,357,369,425	25,842,252,759
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(37,595,658,734)	(33,524,782,069)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(14,518,800)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1,747,191,891	(7,682,529,310)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		10,433,021,607	(7,048,766,577)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		21,442,381,162	28,494,352,827
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		4,599,691	(3,205,088)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	31,880,002,460	21,442,381,162

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

TP HCM, ngày 12 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm 2014***1 . THÔNG TIN CHUNG****1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 03 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở của Công ty tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 58.480.640.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 58.480.640.000 đồng; tương đương 5.848.064 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 27 tháng 07 năm 2009 với mã giao dịch là ALT.

Các công ty con do Công ty sở hữu trực tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2014 gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Công nghệ và truyền thông
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Sản xuất và dịch vụ
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Sản xuất các loại thẻ thông minh

Trong năm 2014, Công ty đã mua lại toàn bộ giá trị phần vốn góp từ đối tác trong Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt, ngày hoàn thành giao dịch chuyển nhượng vốn là 26/12/2014. Vì vậy đến thời điểm 31/12/2014 Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt trở thành công ty con của Công ty và hiện đang tạm dừng hoạt động để cấu trúc lại vốn chủ sở hữu.

Công ty con do Công ty sở hữu trực tiếp đã thanh lý trong năm và không được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2014:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương	Thành phố Hồ Chí Minh	60.00%	60.00%	Sản xuất và dịch vụ

Trong năm 2014, Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương đã giải thể, vì vậy đến thời điểm 31/12/2014 Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương không còn là công ty con của Công ty.

Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 gồm:

Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc

Thông tin bổ sung về các công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 9.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Xuất bản phần mềm. Chi tiết: Sản xuất phần mềm trò chơi giáo dục - giải trí;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ bán buôn dược phẩm);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết dịch vụ Karaoke (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ quần áo, giày dép, vali, túi xách, nước hoa, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồng hồ, mắt kính, đồ chơi, đồ thể thao, chăn - ga- nệm- gối, hàng ngũ kim, đồ gia dụng (trừ dược phẩm); đồ trang trí nội - ngoại thất, hàng kim khí điện máy - điện lạnh, lương thực - thực phẩm, thức ăn nhanh, nước uống các loại, bánh kẹo, đồ hộp, nông sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất Plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Sản xuất hóa chất cơ bản;
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic;
- Sản xuất kinh doanh ngành in, ngành ảnh, ngành bao bì, ngành đồ chơi trẻ em và thiết bị giáo dục;
- Phát hành sách báo, phát hành băng và đĩa từ (audio và video) có chương trình;
- Kinh doanh thương mại và dịch vụ tổng hợp, quảng cáo, rạp hát, chiếu bóng và các loại hình văn hoá vui chơi giải trí;
- Sửa chữa, lắp ráp thiết bị điện tử; dịch vụ phần mềm tin học; cho thuê, in sang băng đĩa từ và các dịch vụ đời sống khác; tham gia hoặc trực tiếp đầu tư trong và ngoài nước về lĩnh vực văn hoá và kỹ thuật sản xuất các sản phẩm ngành văn hoá;
- Sản xuất nguyên liệu cho ngành bao bì; sản xuất mực in;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp; dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Dịch vụ uốn tóc, trang điểm, cho thuê đồ cưới, may mặc, thiết kế đồ họa, vẽ mỹ thuật;
- Lắp ráp máy móc thiết bị cơ điện, sản xuất gia công hàng mỹ nghệ, mỹ phẩm;
- Kinh doanh các loại hình văn hoá vui chơi giải trí: Bida, patin, trò chơi điện tử;
- Sản xuất, dàn dựng, thu âm, thu hình (audio - video) các chương trình nghệ thuật (có nội dung được phép lưu hành);
- Dịch vụ trang điểm, săn sóc da mặt (trừ kinh doanh các hoạt động gây chảy máu);
- Sản xuất hoá chất nguyên liệu nhựa tổng hợp composite; sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng;
- Mua bán: Văn hóa phẩm, sách báo, băng, đĩa từ có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa hình, băng đĩa nhạc tại trụ sở); hàng điện tử, điện máy; thiết bị, linh kiện máy vi tính, máy kỹ thuật số (máy chụp ảnh, máy quay phim, điện thoại);

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm (tiếp theo):

- Đại lý cung cấp dịch vụ internet (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở); dịch vụ giữ xe;
- Sản xuất, mua bán chai nhựa (không tái chế phế thải tại trụ sở);
- Đào tạo nghề;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông (không kinh doanh đại lý dịch vụ truy cập và truy nhập Internet);
- Bán buôn đồ uống có cồn và không cồn;
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí: Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động sản xuất phim và chương trình truyền hình;
- Hoạt động hậu kỳ.

1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2014, Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hương Dương đã giải thể, vì vậy đến thời điểm 31/12/2014 Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hương Dương không còn là công ty con của Công ty. Đồng thời, trong năm 2014 Công ty đã mua lại toàn bộ giá trị phần vốn góp từ đối tác trong Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt, vì vậy đến thời điểm 31/12/2014 Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt trở thành công ty con của Công ty.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2014. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Đối với việc hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được thực hiện như sau: đối với các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán được hợp cộng vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty; đối với các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh không hợp cộng do thời điểm hoàn thành việc mua công ty con là 26/12/2014.

2.4 . Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.5 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10	năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Tài sản cố định khác	10	năm
- Phần mềm máy tính	04 - 06	năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại thửa đất Lô II-3 đường số 11 Nhóm CN II, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 9.987 m², thời hạn sử dụng đến ngày 17/6/2047. Quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng.

2.10 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 35	năm
--------------------------	---------	-----

2.11 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng, trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán năm.

2.17 . Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm tài chính hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

2.20 . Các bên liên quan

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	5,507,280,473	4,717,988,041
Tiền gửi ngân hàng	8,872,721,987	10,224,393,121
Các khoản tương đương tiền	17,500,000,000	6,500,000,000
	<u>31,880,002,460</u>	<u>21,442,381,162</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,9%/năm đến 5,3 %/năm.

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	45,470,480	-
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	-	68,583,000
Phải thu Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	470,000,000	-
Phải thu khác	137,564,800	61,907,521
	<u>653,035,280</u>	<u>130,490,521</u>

5 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	32,912,409,149	38,931,750,971
Công cụ, dụng cụ	1,540,975,131	1,027,493,552
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2,847,620,186	2,294,255,066
Thành phẩm	13,021,833,505	10,842,998,858
Hàng hoá	1,630,666,433	1,585,076,009
	<u>51,953,504,404</u>	<u>54,681,574,456</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

6 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2014	6,237,885,093	738,545,395	6,976,430,488
Tăng khác	-	250,000,000	250,000,000
Thanh lý, nhượng bán	-	(87,450,000)	(87,450,000)
Tại ngày 31/12/2014	6,237,885,093	901,095,395	7,138,980,488
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2014	1,232,635,966	450,873,517	1,683,509,483
Trích khấu hao	149,410,416	114,163,104	263,573,520
Tăng khác	-	12,500,091	12,500,091
Thanh lý, nhượng bán	-	(87,450,000)	(87,450,000)
Tại ngày 31/12/2014	1,382,046,382	490,086,712	1,872,133,094
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2014	5,005,249,127	287,671,878	5,292,921,005
Tại ngày 31/12/2014	4,855,838,711	411,008,683	5,266,847,394

Trong năm 2014, Công ty mua lại toàn bộ giá trị phần vốn góp từ đối tác trong Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt, vì vậy đến thời điểm 31/12/2014 Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt trở thành công ty con của Công ty. Do đó, tăng khác là giá trị tài sản của Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt đã hợp cộng trong số liệu cuối năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

8 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2014	52,456,972,189	52,456,972,189
Tại ngày 31/12/2014	52,456,972,189	52,456,972,189
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2014	13,607,371,726	13,607,371,726
Trích khấu hao	1,922,673,528	1,922,673,528
Tại ngày 31/12/2014	15,530,045,254	15,530,045,254
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2014	38,849,600,463	38,849,600,463
Tại ngày 31/12/2014	36,926,926,935	36,926,926,935

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	10,794,356,704	10,764,779,264
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	10,794,356,704	8,894,491,341
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	-	1,870,287,923
Đầu tư dài hạn khác	122,329,200	122,329,200
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược phẩm Đồng Nai	62,829,200	62,829,200
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Giấy Lệ Hoa	59,500,000	59,500,000
	<u>10,916,685,904</u>	<u>10,887,108,464</u>

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	47.00%	47.00%	In ấn và quảng cáo

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày 01/01	8,868,518,282	5,691,213,650
Tăng trong năm	9,072,002,991	10,353,962,123
Tăng khác	492,666,829	-
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(7,362,436,701)	(7,176,657,491)
Tại ngày 31/12	<u>11,070,751,401</u>	<u>8,868,518,282</u>

Chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1,328,762,217	1,795,585,397
Chi phí xây dựng các chương trình ca nhạc	-	48,700,000
Giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ	455,947,651	567,608,300
Chi phí chờ phân bổ Trung tâm thương mại - Alta Plaza	308,311,578	568,392,563
Chi phí chờ phân bổ của rạp phim 4D Suối Tiên	130,626,398	169,099,403
Chi phí duy trì tên miền	-	16,694,443
Vật tư có giá trị lớn xuất dùng cho thi công màn hình LED	8,169,257,122	5,017,077,055
Chi phí in sổ hướng dẫn sử dụng	527,083,344	477,083,332
Chi phí trả trước dài hạn khác	150,763,091	208,277,789
	<u>11,070,751,401</u>	<u>8,868,518,282</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	7,418,181,955	7,436,277,409
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Bình ⁽¹⁾	5,833,326,255	7,436,277,409
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Thành phố Hồ Chí Minh ⁽²⁾	1,584,855,700	-
(Xem thuyết minh 14)		
	7,418,181,955	7,436,277,409

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Hợp đồng tín dụng số 0272/TaB1/13LD ngày 04 tháng 11 năm 2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng (bao gồm của Việt Nam đồng và Đô la Mỹ);
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: Tối đa là 06 tháng kể từ ngày nhận nợ vay theo từng giấy nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: Tại thời điểm 31/12/2014 là từ 4%/năm đến 5,2%/năm.

(2) Hợp đồng tín dụng số HCM.TB.031306614 ngày 03 tháng 07 năm 2014, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 35.000.000.000 đồng và 500.000 Đô la Mỹ;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh các loại, nhập khẩu nguyên vật liệu;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- + Lãi suất cho vay: Tại thời điểm 31/12/2014 là từ 4%/năm đến 4,5%/năm.

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	223,007,990	205,500,235
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	270,764,823	-
Thuế Thu nhập cá nhân	27,452,837	34,010,511
	521,225,650	239,510,746

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

13 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	12,818,562	-
Bảo hiểm xã hội	36,096,172	27,837,393
Bảo hiểm y tế	23,398,784	1,992,808
Bảo hiểm thất nghiệp	10,507,423	400,590
Phải trả cổ tức cho cổ đông	7,297,200	21,816,000
Quỹ phải trả người lao động	1,749,130,442	1,834,625,342
Phải trả cán bộ công nhân viên	418,504,000	850,000,000
Phải trả tiền đặt cọc thuê mặt bằng	1,096,256,552	796,256,552
Phải trả, phải nộp khác	146,614,835	45,845,844
	<u>3,500,623,970</u>	<u>3,578,774,529</u>

14 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn	1,800,000,000	-
Vay cá nhân ⁽¹⁾	1,800,000,000	-
	<u>1,800,000,000</u>	<u>-</u>

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

(1) Các biên bản mượn vốn số 001/2014/BBMV-AM, 002/2014/BBMV-AM, 003/2014/BBMV-AM trong năm 2014 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 1.800.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn cố định phục vụ hoạt động kinh doanh;
- + Thời hạn cho vay: Áp dụng theo từng hợp đồng, thời hạn từ 2 đến 3 năm;
- + Lãi suất cho vay: Cho vay không tính lãi;
- + Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

CÔNG TY CỔ PHẦN VẤN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	58,480,640,000	53,562,120,000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>53,562,120,000</i>	<i>53,562,120,000</i>
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	<i>4,918,520,000</i>	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>58,480,640,000</i>	<i>53,562,120,000</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5,848,064	5,356,212
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5,848,064	5,356,212
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5,848,064</i>	<i>5,356,212</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	435,814	435,814
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>435,814</i>	<i>435,814</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,412,250	4,920,398
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5,412,250</i>	<i>4,920,398</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1,477,656,109	1,477,656,109
Quỹ dự phòng tài chính	2,890,894,333	2,890,894,333
	<u>4,368,550,442</u>	<u>4,368,550,442</u>

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	86,602,389,029	80,852,569,121
Doanh thu cung cấp dịch vụ	47,063,789,860	41,159,270,202
	<u>133,666,178,889</u>	<u>122,011,839,323</u>

17 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	1,044,431,169	253,445,260
	<u>1,044,431,169</u>	<u>253,445,260</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

18 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm, hàng hóa	85,557,957,860	80,599,123,861
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	47,063,789,860	41,159,270,202
	132,621,747,720	121,758,394,063

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	82,054,513,909	74,948,584,269
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	42,400,034,698	39,651,342,977
	124,454,548,607	114,599,927,246

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	649,574,137	1,043,831,269
Cổ tức, lợi nhuận được chia	940,000,000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	168,038,193	303,031,616
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	6,965,083
	1,757,612,330	1,353,827,968

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	219,103,300	507,189,562
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	415,228,426	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	224,279,487	379,228,047
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	27,559,251	1,687,967
	886,170,464	888,105,576

22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	-	4,060,416
Chi phí nhân công	1,418,278,556	1,204,271,518
Chi phí dịch vụ mua ngoài	338,766,632	176,096,013
Chi phí khác bằng tiền	835,060,909	266,275,586
	2,592,106,097	1,650,703,533

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	326,815,906	487,368,997
Chi phí nhân công	1,327,110,194	1,812,175,518
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,314,837,551	1,063,714,886
Thuế, phí, lệ phí	47,049,853	64,539,993
Chi phí dịch vụ mua ngoài	415,331,671	830,696,639
Chi phí khác bằng tiền	2,144,880,912	790,783,389
	<u>5,576,026,087</u>	<u>5,049,279,422</u>

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	176,270,548	120,357,695
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	530,928,281	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>707,198,829</u>	<u>120,357,695</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(28,781,536)	(149,139,231)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(407,652,470)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	<u>270,764,823</u>	<u>(28,781,536)</u>

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	938,863,426	2,138,281,455
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	938,863,426	2,138,281,455
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5,412,250	4,920,398
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>173</u>	<u>435</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

26 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	63,882,966,215	67,803,590,749
Chi phí nhân công	16,525,396,872	18,911,213,834
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10,355,446,254	11,951,647,339
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7,663,185,725	5,023,005,881
Chi phí khác bằng tiền	5,621,559,309	2,408,966,893
	104,048,554,375	106,098,424,696

27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	31,880,002,460	-	21,442,381,162	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20,234,440,143	-	20,419,853,270	(394,410,379)
Các khoản cho vay	-	-	300,000,000	-
Đầu tư dài hạn	122,329,200	-	122,329,200	-
	52,236,771,803	-	42,284,563,632	(394,410,379)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	9,218,181,955	7,436,277,409
Phải trả người bán, phải trả khác	11,197,963,105	11,575,737,514
Chi phí phải trả	-	245,575
	20,416,145,060	19,012,260,498

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	31,880,002,460	-	-	31,880,002,460
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20,234,440,143	-	-	20,234,440,143
Đầu tư dài hạn	-	122,329,200	-	122,329,200
	52,114,442,603	122,329,200	-	52,236,771,803
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21,442,381,162	-	-	21,442,381,162
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20,025,442,891	-	-	20,025,442,891
Các khoản cho vay	300,000,000	-	-	300,000,000
Đầu tư dài hạn	-	122,329,200	-	122,329,200
	41,767,824,053	122,329,200	-	41,890,153,253

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014				
Vay và nợ	7,418,181,955	1,800,000,000	-	9,218,181,955
Phải trả người bán, phải trả khác	11,197,963,105	-	-	11,197,963,105
	<u>18,616,145,060</u>	<u>1,800,000,000</u>	<u>-</u>	<u>20,416,145,060</u>
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	7,436,277,409	-	-	7,436,277,409
Phải trả người bán, phải trả khác	11,575,737,514	-	-	11,575,737,514
Chi phí phải trả	245,575	-	-	245,575
	<u>19,012,260,498</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>19,012,260,498</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

29 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất và thương mại	Hoạt động dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	85,557,957,860	47,063,789,860	132,621,747,720
Chi phí bộ phận trực tiếp	82,054,513,909	42,400,034,698	124,454,548,607
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3,503,443,951	4,663,755,162	8,167,199,113
Tài sản bộ phận trực tiếp	112,974,424,536	66,950,871,010	179,925,295,546
Tài sản không phân bổ	-	-	41,662,777,586
Tổng tài sản	112,974,424,536	66,950,871,010	221,588,073,132
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	14,418,171,020	6,204,360,897	20,622,531,917
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	3,338,426,643
Tổng nợ phải trả	14,418,171,020	6,204,360,897	23,960,958,560

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2014	Năm 2013
		VND	VND
Doanh thu			
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	1,767,914,683	1,816,797,953
Cổ tức được chia			
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	940,000,000	940,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu tiền hàng			
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	381,736,656	370,558,417
Phải thu khác			
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	470,000,000	-
Phải trả tiền vay			
Ông Hoàng Minh Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc	1,800,000,000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập của Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị	758,362,000	860,461,000

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Số liệu so sánh năm trước đã hợp cộng cả số liệu của Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương là công ty con của Công ty. Tuy nhiên trong năm, Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương đã giải thể, vì vậy đến thời điểm 31/12/2014 Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương không còn là công ty con và không được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm nay của Công ty. Mặt khác, trong năm Công ty cũng mua lại toàn bộ giá trị phần vốn góp từ đối tác trong Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt, vì vậy đến thời điểm 31/12/2014 Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt trở thành công ty con và được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm nay của Công ty. Do đó không thể so sánh số liệu năm nay với số liệu tương ứng của kỳ so sánh.



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập



Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

TP HCM, ngày 12 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

6 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2014	25,024,456,736	101,359,410,159	8,491,336,151	279,973,178	202,921,345	135,358,097,569
Mua sắm	32,727,273	1,098,472,000	-	449,879,083	-	1,581,078,356
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	231,582,378	-	-	-	-	231,582,378
Tặng khác	345,482,333	2,322,108,233	-	-	-	2,667,590,566
Thanh lý, nhượng bán	-	(1,361,835,035)	-	-	-	(1,361,835,035)
Tại ngày 31/12/2014	25,634,248,720	103,418,155,357	8,491,336,151	729,852,261	202,921,345	138,476,513,834
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2014	12,634,916,212	62,858,422,373	5,799,372,578	150,467,826	136,331,762	81,579,510,751
Trích khấu hao	1,522,307,585	6,048,848,518	446,689,864	137,083,461	14,269,778	8,169,199,206
Tặng khác	135,499,636	339,247,536	-	-	-	474,747,172
Thanh lý, nhượng bán	-	(1,361,835,035)	-	-	-	(1,361,835,035)
Tại ngày 31/12/2014	14,292,723,433	67,884,683,392	6,246,062,442	287,551,287	150,601,540	88,861,622,094
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2014	12,389,540,524	38,500,987,786	2,691,963,573	129,505,352	66,589,583	53,778,586,818
Tại ngày 31/12/2014	11,341,525,287	35,533,471,965	2,245,273,709	442,300,974	52,319,805	49,614,891,740

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 45,929,370,265 đồng.
- Trong năm 2014, Công ty mua lại toàn bộ giá trị phần vốn góp từ đối tác trong Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt, vì vậy đến thời điểm 31/12/2014 Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt trở thành công ty con của Công ty. Do đó, tăng khác là giá trị tài sản của Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt đã hợp cộng trong số liệu cuối năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	53,562,120,000	145,825,164,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	1,477,656,109	2,890,894,333	(770,553,947)	193,459,644,378
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	2,138,281,455	2,138,281,455
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(1,106,887)	(1,106,887)
Tại ngày 31/12/2013	53,562,120,000	145,825,164,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	1,477,656,109	2,890,894,333	1,366,620,621	195,596,818,946
Tăng vốn	4,918,520,000	(4,918,520,000)	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	938,863,426	938,863,426
Bắt lợi thương mại khi đầu tư bổ sung vào Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	-	-	-	-	-	-	1,091,432,200	1,091,432,200
Tại ngày 31/12/2014	58,480,640,000	140,906,644,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	1,477,656,109	2,890,894,333	3,396,916,247	197,627,114,572

Vốn điều lệ tăng trong năm từ việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thương niên năm 2014. Tỷ lệ phát hành 10:1 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu sẽ được nhận 01 cổ phiếu mới. Số lượng cổ phiếu đã phát hành là 491.852 cổ phiếu, thời điểm hoàn thành việc phát hành là 30/10/2014.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014	Tỷ lệ	01/01/2014	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B	9,917,400,000	16.96%	9,015,820,000	16.83%
Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bì Liksin - TNHH MTV	7,171,810,000	12.26%	6,519,830,000	12.17%
Ông Hoàng Văn Điều	5,460,950,000	9.34%	4,964,500,000	9.27%
Bà Lại Thị Hồng Điệp	3,357,200,000	5.74%	3,052,000,000	5.70%
Ông La Thế Nhân	2,788,210,000	4.77%	2,534,740,000	4.73%
Vốn góp của cổ đông khác	25,426,930,000	43.48%	23,117,090,000	43.16%
Cổ phiếu quỹ	4,358,140,000	7.45%	4,358,140,000	8.14%
	58,480,640,000	100%	53,562,120,000	100%